

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 01 năm 2026
(Kèm theo Thông báo số:...../TB-TTHN ngày..... tháng 01 năm 2026)

ĐVT: đồng																				
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản	Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	20	22	24	26	D
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,10	0,70					20%	1,36	8,16	19.094.400	0	0		1.272.960	238.680	159.120	17.423.640	
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	4,98	0,60					40%	2,23	7,81	18.280.080	0	0		1.044.576	195.858	130.572	16.909.074	
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30					20%	0,92	5,54	12.972.960	0	0	0	864.864	162.162	108.108	11.837.826	Giảm PCƯĐN
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	3,99						20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0		746.928	140.049	93.366	10.223.577	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	0	610.272	114.426	76.284	8.821.098	
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40		0,20			20%	0,94	5,86	13.721.760	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.562.056	
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30					20%	0,86	5,15	12.046.320	0	0	0	803.088	150.579	100.386	10.992.267	
8	Trần Thị Bích Phượng	V.06.031	3,99						20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	
9	Nguyễn Thúy Kiều	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0	0	683.280	128.115	85.410	9.352.395	
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34			0,10			20%	0,67	4,11	9.612.720	0	0		625.248	117.234	78.156	8.792.082	
13	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032	1,79						0%	0,00	1,79	4.176.900	0	0	0	334.152	62.654	41.769	3.738.325	
14	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				60%	2,57	7,06	16.529.760	0	0	81.391	803.088	150.579	100.386	15.394.316	P 3 ngày, Ct 1 ngày
15	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30	0,0000		60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	162.783	683.280	128.115	85.410	13.776.012	P 8 ngày
16	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,66							0,00	3,66	8.564.400	0	0	0	685.152	128.466	85.644	7.665.138	Đi học
17	Nguyễn Thị Ban	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	40.696	683.280	128.115	85.410	13.898.099	P 2 ngày
18	Trịnh Thị Thúy Nga	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	81.391	683.280	128.115	85.410	13.857.404	P 4 ngày
19	Huỳnh Văn Văn	V.08.07.18	4,32						50%	2,16	6,48	15.163.200	0	0	0	808.704	151.632	101.088	14.101.776	
20	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32						40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
21	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	3,99	0,30					40%	1,72	6,01	14.054.040	0	0	0	803.088	150.579	100.386	12.999.987	
22	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	40.696	746.928	140.049	93.366	12.518.201	P 2 ngày
23	Lê Nhật Linh	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	61.043	683.280	128.115	85.410	11.467.552	P 3 ngày

24	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34			0,10			40%	1,34	4,78	11.175.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.355.202	
25	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
26	La Thị Dũng	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	81.391	746.928	140.049	93.366	12.711.506	P 4 ngày
27	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	40.696	685.152	128.466	85.644	11.752.202	P 2 ngày
28	Trần Thị Thương	V.08.06.15	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	803.088	150.579	100.386	13.467.987	
29	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	447.652	803.088	150.579	100.386	13.020.335	Tr 1 ngày
30	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	427.304	685.152	128.466	85.644	11.131.594	Tr 2 ngày
31	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	386.609	685.152	128.466	85.644	11.172.289	Tr 4 ngày
32	Nguyễn Thị Lệ Thủy	V.08.06.16	3,65		0,20	0,00			40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	406.957	683.280	128.115	85.410	11.121.638	Tr 3 ngày
33	Lê Thị Thuý Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				50%	2,74	8,42	19.702.800	0	0		1.025.856	192.348	128.232	18.356.364	
34	Trần Thị Mỹ Lan	V.08.05.13	3,96						50%	1,98	5,94	13.899.600	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.926.628	
35	Nguyễn Thị Nở	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	183.130	685.152	128.466	85.644	11.375.768	P 9 ngày
37	Trịnh Thị Mỹ Luận	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	40.696	683.280	128.115	85.410	11.487.899	P 2 ngày
38	Dương Thành Tử	V.08.01.03	4,98	0,30	0,40		5%	0,2490	70%	3,87	9,80	22.930.362	0	0	0	1.035.029	194.068	129.379	21.571.886	
39	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,66		0,40				60%	2,20	6,26	14.639.040	0	0	0	685.152	128.466	85.644	13.739.778	
40	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	244.174	683.280	128.115	85.410	13.460.621	P 6 ngày
41	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	203.478	683.280	128.115	85.410	13.501.317	P 5 ngày
42	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
43	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
44	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,34						40%	0,94	3,28	7.665.840	0			438.048	82.134	54.756	7.090.902	
45	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
46	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99		0,40				40%	1,60	5,99	14.007.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.026.897	
	Cộng		175,79	4,60	5,60	1,60	0,05	0,25	17,50	69,78	257,62	602.824.482	0	0	2.930.087	33.814.685	6.340.254	4.226.836	555.512.620	
47	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4,74	0,60					40%	2,14	7,48	17.493.840	0	0	0	999.648	187.434	124.956	16.181.802	
48	Nguyễn Thị Kim Luyến	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
49	Đỗ Minh Mão	V.08.04.10	3,66						20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
50	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4,27						40%	1,71	5,98	13.988.520	0	0	0	799.344	149.877	99.918	12.939.381	
51	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
52	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	3,99	0,40					20%	0,88	5,27	12.327.120	0	0	0	821.808	154.089	102.726	11.248.497	
53	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
54	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	13.071.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.090.897	
55	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	1,92							0,00	1,92	4.495.140	0	0	0	359.611	67.427	44.951	4.023.151	
56	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33						20%	0,67	4,00	9.350.640	0	0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	

57	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
58	Đinh Văn Đắt	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	6.570.720	0	0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
59	Huỳnh Văn Chương	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	6.570.720	0	0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
60	Trần Thị Thủy Song	V06.031	3,66						20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
61	Nguyễn Thị Ánh Duyên	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0		683.280	128.115	85.410	9.352.395	
62	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				60%	3,29	8,97	20.985.120	0	0	0	1.025.856	192.348	128.232	19.638.684	
63	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,08	0,30	0,20				60%	3,23	8,81	20.610.720	0	0	101.739	1.007.136	188.838	125.892	19.187.115	P 5 ngày
64	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	2,67							0,00	2,67	6.247.800	0	0	0	499.824	93.717	62.478	5.591.781	Đi học
65	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67							0,00	2,67	6.247.800	0	0	0	499.824	93.717	62.478	5.591.781	Đi học
66	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,66		0,20	0,30			60%	2,20	6,36	14.873.040	0	0	0	685.152	128.466	85.644	13.973.778	
67	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	81.391	683.280	128.115	85.410	13.857.404	P 4 ngày
68	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00		0,20	0,30			60%	1,80	5,30	12.402.000	0	0	122.087	561.600	105.300	70.200	11.542.813	P 6 ngày
69	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30			60%	2,00	5,84	13.674.960	0	0	142.435	625.248	117.234	78.156	12.711.887	P 7 ngày
70	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.600.903	
71	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,34		0,20	0,30			60%	1,40	4,24	9.930.960	0	0	61.043	438.048	82.134	54.756	9.294.979	Th 3 ngày
72	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96		0,20	0,30			60%	2,38	6,84	15.996.240	0	0	0	741.312	138.996	92.664	15.023.268	
73	Lâm Thị Thu Thủy	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.600.903	
74	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	2,10			0,30			60%	1,26	3,66	8.564.400	0	0	0	393.120	73.710	49.140	8.048.430	
75	Đặng Anh Tuyển	V.08.01.03	4,98	0,40	0,20		7%	0,3486	40%	2,29	8,22	19.234.894	0	0	61.043	1.072.394	201.074	134.049	17.766.334	P 3 ngày
76	Lưu Trọng Ảnh	V.08.01.03	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	223.826	561.600	105.300	70.200	9.335.074	P 11 ngày
77	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,33		0,20				40%	1,33	4,86	11.377.080	0	0	122.087	623.376	116.883	77.922	10.436.812	P 6 ngày
78	Nguyễn Thị Mộng Thủy	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	40.696	685.152	128.466	85.644	11.518.202	P 2 ngày
79	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
80	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30	0,20				50%	1,82	5,65	13.209.300	0	0	0	679.536	127.413	84.942	12.317.409	
81	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,33	0,30					40%	1,45	5,08	11.891.880	0	0	0	679.536	127.413	84.942	10.999.989	
82	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	122.087	685.152	128.466	85.644	11.436.811	P 6 ngày
83	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66						50%	1,83	5,49	12.846.600	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.947.338	
84	Lê Thị Thanh Tuyển	V.08.05.12	3,99						50%	2,00	5,99	14.004.900	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.024.557	
85	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,42	0,40	0,20			0,0000	40%	2,33	8,35	19.534.320	0	0	40.696	1.089.504	204.282	136.188	18.063.650	Ct 2 ngày
86	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				40%	2,29	8,21	19.206.720	0	0	0	1.070.784	200.772	133.848	17.801.316	
87	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30					40%	2,11	7,39	17.297.280	0	0	0	988.416	185.328	123.552	15.999.984	
88	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20				40%	2,06	7,40	17.306.640	0	0	366.261	962.208	180.414	120.276	15.677.481	Tr 5 ngày

89	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	427.304	803.088	150.579	100.386	13.040.683	Tr 2 ngày
90	La Thị Nhân	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	803.088	150.579	100.386	13.467.987	
91	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	13.440.960	0	0	40.696	741.312	138.996	92.664	12.427.292	P 2 ngày
92	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,99	0,30	0,40				60%	2,57	7,26	16.997.760	0	0	0	803.088	150.579	100.386	15.943.707	
93	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
94	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	
95	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
96	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,30					40%	2,02	7,06	16.511.040	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.272.712	
97	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,33	0,30	0,20					0,00	3,83	8.962.200	0	0	468.000	679.536	127.413	84.942	7.602.309	H 23 ngày
98	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30	0,10				40%	2,02	7,16	16.745.040	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.506.712	
99	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,42	0,40	0,10				40%	2,33	8,25	19.300.320	0	0	10.174	1.089.504	204.282	136.188	17.860.172	Th 1 ngày
	Cộng		195,91	7,30	5,20	2,70	0,07	0,35	20,50	80,73	292,19	683.712.994	0	0	2.431.565	38.106.357	7.144.942	4.763.294	631.266.836	
	Phần I		371,70	11,90	10,80	4,30	0,12	0,60	38,00	150,51	549,80	1.286.537.476	0	0	5.361.652	71.921.042	13.485.196	8.990.130	1.186.779.456	
100	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13	2,10		0,20				40%	0,84	3,14	7.347.600	0	0	81.391	393.120	73.710	49.140	6.750.239	P 4 ngày
101	Phạm Thị Lệ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
102	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00		0,20	0,10			40%	1,20	4,50	10.530.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.792.900	
103	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.792.898	
104	Nguyễn Thị Hương	V.08.06.16	3,65			0,10			40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.294.595	
105	Đinh Thị Thôm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
106	Nguyễn Thị Thanh Thủy	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	20.348	746.928	140.049	93.366	12.772.549	P 1 ngày
107	Nguyễn Thị Lắm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
108	Nguyễn Thị Bích Nhị	V.08.06.16	4,06				11%	0,4466	40%	1,80	6,31	14.763.622	0	0	0	843.636	158.182	105.454	13.656.350	
109	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32			0,10			40%	1,73	6,15	14.386.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.324.896	
110	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	Giảm PCDH, tăng PCTN
111	Nguyễn Thị Thủy	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0			685.152	128.466	85.644	11.324.898	
112	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98		0,20				40%	1,99	7,17	16.782.480	0	0	447.652	932.256	174.798	116.532	15.111.242	Tr 1 ngày
113	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	386.609	509.184	95.472	63.648	8.323.807	Tr 4 ngày
114	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	386.609	561.600	105.300	70.200	9.172.291	Tr 4 ngày
115	Lê Thị Mỹ Diễm	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	386.609	685.152	128.466	85.644	11.172.289	Tr 4 ngày
116	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	406.957	685.152	128.466	85.644	11.151.941	Tr 3 ngày
117	Trương Thị Bích Phượng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	386.609	509.184	95.472	63.648	8.323.807	Tr 4 ngày
118	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,41		0,20				40%	0,96	3,57	8.363.160	0	0	468.000	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
119	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2,34						50%	1,17	3,51	8.213.400	0		0	438.048	82.134	54.756	7.638.462	

120	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
121	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34		0,20				40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.589.202	
122	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00						50%	1,50	4,50	10.530.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.792.900	
123	Nguyễn Thị Minh Khả	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0		0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
124	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65		0,20				50%	1,83	5,68	13.279.500	0	0	40.696	683.280	128.115	85.410	12.341.999	P 2 ngày
125	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	2,10						40%	0,84	2,94	6.879.600	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.363.630	
126	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32		0,40				70%	3,02	7,74	18.120.960	0	0	0	808.704	151.632	101.088	17.059.536	
127	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	4,27		0,40				70%	2,99	7,66	17.922.060	0	0	366.261	799.344	149.877	99.918	16.506.660	P 9 ngày
128	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
129	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
130	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26						40%	1,30	4,56	10.679.760	0	0	0	610.272	114.426	76.284	9.878.778	
131	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32						40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
132	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	3,03						40%	1,21	4,24	9.926.280	0	0	0	567.216	106.353	70.902	9.181.809	
133	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33							0,00	3,33	7.792.200	0		0	623.376	116.883	77.922	6.974.019	Đi học, giám PCUĐN
134	Trần Thị Đua	V.08.07.19	3,03							0,00	3,03	7.090.200	0		0	567.216	106.353	70.902	6.345.729	Đi học, giám PCUĐN
135	Trần Bền Thơm	V.08.01.03	2,34						40%	0,94	3,28	7.665.840	0		0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
136	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	203.478	610.272	114.426	76.284	8.617.620	Ct 5 ngày, P 5 ngày
137	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	421.200	421.200	20.348	808.704	151.632	101.088	13.117.348	Ô 1 ngày
138	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
139	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
140	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
141	Võ Thị Kim Phượng	V.08.08.23	3,33						40%	1,33	4,66	10.909.080	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
142	Võ Thị Ái Vân	V.08.08.23	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	30.522	683.280	128.115	85.410	11.498.073	Ct 1,5 ngày
143	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
144	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
145	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
146	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
147	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32		0,00				40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
148	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4,32		0,30				40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.792.896	
149	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	162.783	746.928	140.049	93.366	12.396.114	P 8 ngày
150	Nguyễn Hồng Vân	V.08.07.18	4,98		0,30		5%	0,2490	60%	3,14	8,67	20.279.376	0	0	0	978.869	183.538	122.359	18.994.610	

151	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66		0,30				70%	2,56	6,52	15.261.480	0	0	0	685.152	128.466	85.644	14.362.218	
152	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
153	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	30.522	683.280	128.115	85.410	11.264.073	P 3 ngày
154	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.294.595	
155	Trần Thành Kiểm	V.08.07.19	3,96		0,40				40%	1,58	5,94	13.908.960	0	0	244.174	741.312	138.996	92.664	12.691.814	P 6 ngày
156	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,66		0,10				40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	20.348	685.152	128.466	85.644	11.304.550	P 2 ngày
157	Trần Thị Phương	V.08.07.18	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	122.087	685.152	128.466	85.644	11.436.811	P 6 ngày
158	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,00		0,40				40%	1,20	4,60	10.764.000	0	0	203.478	561.600	105.300	70.200	9.823.422	P 5 ngày
159	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34		0,40				40%	1,34	5,08	11.877.840	0	0	284.870	625.248	117.234	78.156	10.772.332	P 7 ngày
	Phần II		208,13	0,00	7,20	0,90	0,16	0,70	24,50	86,32	303,24	709.592.458	421.200	421.200	4.700.351	39.092.153	7.329.779	4.886.519	653.162.456	
	Tổng cộng I+II		579,83	11,90	18,00	5,20	0,28	1,29	62,50	236,83	853,05	1.996.129.934	421.200	421.200	10.062.003	111.013.195	20.814.975	13.876.649	1.839.941.912	

Tổng số tiền bằng chữ : Một tỷ tám ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn chín trăm mười hai đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn

Mẫu số: C02 - HD

Mã QHNS: 1047707

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 01 năm 2026

ĐVT: đồng																				
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai	Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03				5%	0,20	20%	0,85	5,08	11.882.052	0	0		792.137	148.526	99.017	10.842.372	Tăng PCTNVK
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0		0,20		0,85	5,08	11.882.052	0	0	0	792.137	148.526	99.017	10.842.372	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng chẵn.